



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 - 0912.532.513 Email: dcmt386@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03945/2026/PKQ (2344.02W2606.0563)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THẮNG LONG VINH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,91	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,13	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,0007	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	1,12	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,54	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1
11.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2024/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- **Tình trạng mẫu:** Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
- **KPH:** Không phát hiện
- **NS08:** RF345
- (a): Thông số được Vilas công nhận.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thắng

QA/QC

Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



K/T. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03944/2026/PKQ (2344.02W2606.0562)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VĨNH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,94	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,07	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,0011	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	1,28	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,6	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1
11.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
- KPH: Không phát hiện
- NS07: RF1.2
- (a): Thông số được Vilas công nhận

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03943/2026/PKQ (2344.02W2606.0561)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VINH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	8,03	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,12	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,0014	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,96	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,6	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1
11.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
- KPH: Không phát hiện
- NS06: I6
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hương

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
CÔNG NGHỆ
NĂNG LƯỢNG VÀ
MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Quang Ninh



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 - 0912.532.513 Email: dcmt386@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03942/2026/PKQ (2344.02W2606.0560)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VĨNH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,97	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,05	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,0011	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,8	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,59	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1
11.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
- KPH: Không phát hiện
- NS05: RF678
- (a): Thông số được Vilas công nhận.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hường

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 - 0912.532.513 Email: dcmt386@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03941/2026/PKQ (2344.02W2606.0559)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VĨNH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,94	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,07	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,0007	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,52	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1
11.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
- KPH: Không phát hiện
- NS04: I4
- (a): Thông số được Vilas công nhận

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hường

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
NĂNG LƯỢNG VÀ
MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03940/2026/PKQ (2344.02W2606.0558)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VĨNH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	8,04	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,06	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,0009	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	1,28	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,64	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1
11.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **Tình trạng mẫu**: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất

- **KPH**: Không phát hiện

- **NS03: IPC**

- (a): Thông số được Vilas công nhận.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hường

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03939/2026/PKQ (2344.02W2606.0557)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VĨNH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,88	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,09	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,001	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,96	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,58	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1
11.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **Tình trạng mẫu**: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
- **KPH**: Không phát hiện
- **NS02**: S.S Trạm điện
- (a): Thông số được Vilas công nhận.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
NĂNG LƯỢNG VÀ
MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03938/2026/PKQ (2344.02W2606.0556)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VĨNH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Xuyên,
tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	8,01	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,07	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,0008	0,01
7.	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	1,12	2
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,51	0,2 ÷ 1
9.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
10.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	<1
11.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
12.	Tụ cầu vàng ^(a)	CFU/10ml	SMEWW 9213B: 2023	KPH	<1

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **Tình trạng mẫu**: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
- **KPH**: Không phát hiện
- **NS01: WP**
- **(a)**: Thông số được Vilas công nhận.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Quang Ninh